

Nghiên cứu tình huống
CÔNG TY GỖ CARTWRIGHT

CÂU HỎI CHUẨN BỊ NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN TRÊN LỚP

Đây là nghiên cứu tình huống về nhu cầu vay nợ để tài trợ cho vốn lưu động của doanh nghiệp.

1. Tại sao Công ty Gỗ Cartwright phải vay nợ nhiều để hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh có lợi nhuận cao của mình?
2. Ước tính nhu cầu vay nợ của Cartwright có hợp lý hay không (giả định rằng doanh thu năm 2004 sẽ lên tới 3,6 triệu đô-la)?
3. Ngân hàng sẽ cho Công ty Carwright vay nợ bao nhiêu để tài trợ cho sự tăng trưởng kỳ vọng của mình và nếu cho vay thì với những điều kiện gì?

Để phân tích, anh/chị phải sử dụng thông tin trong nghiên cứu tình huống để thiết lập các hạng mục ngân lưu và tính toán các hệ số tài chính. Cụ thể, anh/chị phải thiết lập các bảng biểu tính toán sau đây.

Báo cáo ngân lưu

	2002	2003	Cộng 2002-03
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HĐKD			
Lợi nhuận sau thuế			
Thay đổi khoản phải thu			
Thay đổi hàng tồn kho			
Thay đổi khoản phải trả			
Thay đổi chi phí chưa trả			
NCF từ hoạt động kinh doanh			
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HĐĐT			
Mua sắm TSCĐ			
NCF từ hoạt động đầu tư			
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HĐTC			
Vay ngắn hạn			
Trả nợ Henry Stark			
Trả nợ dài hạn			
NCF từ hoạt động tài chính			
Tổng ngân lưu ròng, NCF			

Nguồn và sử dụng ngân lưu

	2002	2003	Cộng 2002-03
<i>Nguồn</i>			
Vay ngân hàng			
Các khoản phải trả			
Lợi nhuận giữ lại			
Tiền mặt			
Chi phí chưa trả			
Cộng			
<i>Sử dụng</i>			
Khoản phải thu			
Hàng tồn kho			
Trả nợ Henry Stark			
Trả nợ dài hạn			
Tăng TSCĐ (trừ khấu hao)			
Cộng			

Các chỉ số tài chính về tài sản và vốn lưu động

	2001	2002	2003
Vòng quay khoản phải thu			
Số ngày phải thu			
Vòng quay hàng tồn kho			
Số ngày tồn kho			
Tỷ lệ phải thu và tồn kho/Doanh thu			
Tỷ lệ khoản phải thu/Doanh thu			
Tỷ lệ tồn kho/Doanh thu			
Vòng quay khoản phải trả			
Số ngày thanh toán khoản phải trả			
Tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản			
Hệ số thanh toán hiện hành			

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dự kiến cho cả năm 2004

	Giả định	2004
Doanh thu thuần		
Giá vốn hàng bán		
Hàng tồn kho đầu kỳ		
Mua trong kỳ		
Hàng tồn kho cuối kỳ		
Tổng giá vốn hàng bán	(% so với doanh thu: 72%)	
Lợi nhuận gộp		
Chi phí hoạt động	(% so với doanh thu: 25%)	
Lợi nhuận hoạt động		
+ Chiết khấu mua hàng	(2%)	
Lãi vay		
Lãi vay nợ dài hạn	(Lãi suất: 11,0%)	
Lãi vay nợ ngắn hạn	(Lãi suất: 10,5%)	
Lợi nhuận trước thuế		
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Lợi nhuận ròng		

Bảng cân đối kế toán dự kiến cho cả năm 2004

	Giả định	2004
Tiền mặt	(% so với doanh thu: 1.5%)	
Khoản phải thu, ròng	(% so với doanh thu: 12%)	
Hàng tồn kho	(% so với doanh thu: 16%)	
Tài sản lưu động		
Tài sản cố định, ròng	Tăng trưởng như doanh thu	
Tổng tài sản		
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Khoản phải trả	(Số ngày trả chậm: 10)	
Chi phí chưa trả	(Tăng trưởng như doanh thu)	
Vay dài hạn, phần ngắn hạn		
Nợ phải trả ngắn hạn		
Vay dài hạn		
Tổng nợ phải trả		
Vốn chủ sở hữu		
Tổng nợ phải trả và vốn CSH		